

Bản án số: 570/2018/HS-PT
Ngày 15 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 323/2018/HS-PT ngày 20 tháng 6 năm 2018; đối với bị cáo Phạm Thị Thủy T; do có kháng cáo của bị cáo Tiên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 143/2018/HS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 275/2018/QĐPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018.

Bị cáo có kháng cáo: Phạm Thị Thủy T, giới tính: Nữ, sinh năm 1976 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: phường Tân Th, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H(chết) và bà Nguyễn Thị N; có chồng và 02 người con (con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2013 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thủy T: Ông Trần Đăng M, Luật sư Công ty Luật TNHH Thiên Định thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại là bà Hoàng Nguyễn Thu T1, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trọng K, ông Dương Đào

T2, Công ty TNHH Toàn Xanh Từ Q, ông Phạm Duy T3, ông Bùi Mạnh H1, bà Phạm Thị Kim D; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian ngắn, từ ngày 06/12/2010 đến ngày 25/4/2011, lợi dụng mối quan hệ quen biết với bà Hoàng Nguyễn Thu T1, bằng thủ đoạn đưa ra lãi suất cao 21%/tháng cũng như tự nhận mình là giám đốc công ty đang kinh doanh có hiệu quả, với hình thức vay mượn, bị cáo đã nhận của bà T1 tổng số tiền 288.000.000.000 đồng. Ngoài số tiền bị cáo trích ra để trả lãi vay và chuyển đầu tư thông qua ông Trần Trọng K, số tiền còn lại bị cáo chiếm đoạt để sử dụng cho mục đích cá nhân. Tuy nhiên, trước khi hành vi bị khởi tố thì bị cáo cần trừ chiếc xe BMW và chuyển trả tiền mặt = 4.900.000.000 đồng, nên số tiền bị cáo thực tế chiếm đoạt bị truy cứu trách nhiệm hình sự là 79.726.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bản án hình sự sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Tù chung thân.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường; biện pháp tư pháp; án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/5/2018, bị cáo Phạm Thị Thủy T kháng cáo xin giảm nhẹ do mức án tù chung thân là quá nghiêm khắc.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị Thủy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thủy T lập luận cho rằng số tiền 50 tỉ đồng bị cáo Phạm Thị Thủy T vay của bà Hoàng Nguyễn Thu T1 vào ngày 06/12/2010 không có hành vi gian dối. Đây là quan hệ dân sự đề nghị loại trừ trách nhiệm hình sự và bị cáo thật thà khai báo, phụ nữ mang thai, bị hại xin giảm nhẹ chưa được bản án sơ thẩm đề cập; Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm án cho bị cáo Phạm Thị Thủy T.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm quy kết trách nhiệm hình sự bị cáo lừa đảo chiếm đoạt số tiền 79.726.000.000 đồng của bị hại Hoàng Nguyễn Thu T1 là có căn cứ pháp luật; đây là số tiền đặc biệt lớn, nên bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Phạm Thị Thủy T tù chung thân là tương xứng, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thủy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Lợi dụng sự quen biết và lòng tin của Hoàng Nguyễn Thu T1, chỉ trong thời gian gần chưa đầy 05 tháng (từ ngày 06/12/2010 đến ngày 25/4/2011), bị cáo Phạm Thị Thủy T đã dùng thủ đoạn gian dối tự nhận mình là giám đốc công ty, tự ấn định mức lãi suất vay là 21%/tháng, vay tiền của bà Hoàng Nguyễn Thu T1 nhiều lần với tổng số tiền vay = 288.000.000.000 đồng. Ngoài số tiền bị cáo trích ra để trả lãi vay và chuyển đầu tư thông qua ông Trần Trọng K, số tiền còn lại bị cáo chiếm đoạt để sử dụng cho mục đích cá nhân. Do bị cáo đã thanh toán trước cho bà Hoàng Nguyễn Thu T1 số tiền 4.900.000.000 đồng, cán trừ thì số tiền thực tế còn lại buộc bị cáo phải trách nhiệm hình sự là 79.726.000.000 đồng. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2]. Xét hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo Phạm Thị Thủy T là rất nguy hiểm cho xã hội, chỉ trong thời gian gần chưa đầy 05 tháng mà bị cáo đã chiếm đoạt được số tiền 79.726.000.000 đồng của bà Hoàng Nguyễn Thu T1 đây là số tiền đặc biệt lớn; cho nên bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Thị Thủy T mức án tù chung thân là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Hơn nữa khi lượng hình bản án sơ thẩm cũng đã có xem xét cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đầy đủ cho bị cáo như thật thà khai báo, phạm tội là phụ nữ có thai, chứ không phải như lời bào chữa của luật sư đặt ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị Thủy T không có tình tiết giảm nhẹ mới; nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị Thủy T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Thủy T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 143/2018/HS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1/. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị Thủy T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thủy T tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2013.

3/. Bị cáo Phạm Thị Thủy T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4/. Các phần khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Trại TG Công an TP. Hồ Chí Minh (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo (1));
- Lưu: VP (3), HS (2), 15b. (ÁN 09)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Khởi

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy

Huỳnh Thanh Duyên

Đặng Quốc Khởi